

Bản án số: 117/2022/KDTM-PT
Ngày 14, 19/07/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Lê Thúy Linh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 83/2022/TLPT-KDTM ngày 01/7/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2022/KDTM-ST ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2022/QĐ-PT ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần bê tông H ; Trụ sở: Lô 84, đường số 5, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh B; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy T- Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L; sinh năm 1949; Địa chỉ: Số 2/15 ngõ 59 K, D, quận C, thành phố Hà Nội. Ông L có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G; Trụ sở: Số nhà 55, TT12 khu đô thị V, phường P, quận H, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc K- Chủ tịch HĐQT; Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Minh H Thủy T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 22, phường N, quận L, thành phố H. Bà T có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/6/2019 Công ty cổ phần bê tông H (“**H H**”) và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G (“**G VN**”) ký kết 02 hợp đồng mua bán bê tông số 106-

2019/HĐBT và 107-2019/HĐBT. Theo thỏa thuận Hợp đồng, Bên H H sẽ cung cấp bê tông tươi cho G VN tại công trình Famous Express VN và công trình Ouries.

1. Nội dung thỏa thuận:

a. Đối tượng hợp đồng: H H đồng ý cung cấp bê tông tươi và các sản phẩm dịch vụ kèm theo cho G VN.

b. Địa điểm cung cấp hàng hoá, thời hạn thanh toán:

- Công trình Famous Express VN: Lô A17 Đường C1, KCN Thành T, xã A, huyện T, Tây Ninh. Thời hạn thanh toán: G VN thanh toán cho H H 100% giá trị bê tông trong vòng tối đa 45 ngày kể từ khi cung cấp.

- Công trình Ouries: Đường D10, KCN T, xã A, huyện T, Tây Ninh. Thời hạn thanh toán: G VN thanh toán cho H H 100% giá trị bê tông trong vòng tối đa 45 ngày kể từ khi cung cấp.

* Trách nhiệm của G VN khi trễ hạn thanh toán:

- H H có quyền tạm ngưng cung cấp cho đến khi việc thanh toán được hoàn tất và mọi phát sinh về tiến độ do việc ngưng cung cấp gây ra sẽ do bên G VN chịu trách nhiệm.

- G VN phải chịu tiền lãi quá hạn chậm trả với lãi suất vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại cổ phần tại thời điểm thanh toán.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ

a. Thực hiện nghĩa vụ của H H: H H đã giao bê tông và cung cấp dịch vụ kèm theo cho G VN đúng theo yêu cầu. G VN đồng ý với số hoá đơn căn cứ trên công nợ phát sinh. Các hoá đơn cụ thể như sau: 0011364; 0011365 ngày 31/10/2019; 0011663 ngày 28/11/2019; 0012011 ngày 24/12/2019; 0012707 ngày 10/2/2020. Tổng công nợ: 3.064.812.512 đồng. Trong đó: Công nợ công trình Công trình Ouries: 2.827.077.512 đồng. G VN đã thanh toán 598.335.001 đồng. Công nợ còn lại của Công trình Ouries là 2.228.742.511 đồng. Công nợ công trình Công trình Famous Express VN: 237.735.000 đồng. G VN chưa thanh toán cho hoá đơn này.

Số công nợ còn lại của G VN: 2.466.477.511 đồng (*Hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm mười một đồng*).

b. Tiền lãi phát sinh khi G VN vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

H H đã đề nghị tính lãi suất theo 03 ngân hàng, cụ thể:

STT	NGÂN HÀNG	LOẠI LÃI SUẤT	LÃI SUẤT/NĂM
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Lãi suất cho vay của sản phẩm hiện là	9,5%
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	Lãi suất cho vay kỳ hạn trên 6 tháng đến 12 tháng dành cho KHDN	9,5%
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Lãi suất cho vay phục vụ nhu cầu đời sống không tài sản đảm bảo theo món cho khoản vay ngắn hạn	12%

Lãi suất trung bình	10,3333%/năm
----------------------------	--------------

Theo bảng trên, lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 10,3333%, H H lấy mức lãi suất 9%/năm là có lợi cho G VN. Thêm vào đó, vì G VN không thanh toán đúng hạn nên ngoài lãi suất chậm trả theo Luật thương mại còn phải chịu thêm lãi suất quá hạn trên nợ gốc bằng 150% lãi suất chậm trả theo hợp đồng. Vì vậy, $9\% \times 150\% = 13,5\%$ là lãi suất phù hợp để tính tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán của G VN.

Tuy nhiên, thấu hiểu tình hình hoạt động trong thời gian dịch bệnh vừa qua, H H đồng ý tính lãi suất cho G VN là 10%/năm để tỏ rõ thiện chí của mình. Tiền lãi của G VN được tính như sau:

Tiền gốc (1)	2.466.477.511 đồng
Lãi suất tính tiền lãi (2)	10%/năm
Ngày hạch toán	30/03/2020
Ngày tính lãi (tạm tính)	18/01/2022
Thời gian quá hạn thanh toán (3)	659 ngày
Tiền lãi = (1)*(2)*(3)	451.502.411 VNĐ

Tiền lãi đề cập nêu trên là tiền lãi tạm tính, đề nghị Tòa án tiếp tục xem xét tính lãi cho đến khi có bản án, quyết định của Tòa án.

- Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết nội dung sau:

Buộc Công ty G VN thanh toán cho Công ty H H số công nợ còn lại chưa thanh toán là 2.466.477.511 đồng. Buộc Công ty G VN trả tiền lãi trên nợ gốc được tính kể từ ngày 30/03/2020 đến khi có bản án, quyết định của Tòa án với lãi suất được áp dụng là 10%/năm.

Ngoài các yêu cầu trên nguyên đơn không yêu cầu vấn đề nào khác. Về án phí: theo quy định pháp luật.

2. Bị đơn tại bản tự khai đề ngày 16/4/2021 trình bày:

Công ty H H và Công ty G VN ký kết 02 hợp đồng mua bán vật tư xây dựng, cụ thể là mua bán bê tông phục vụ quá trình thi công xây dựng. Các hợp đồng đã ký là: 106-2019/HĐBT và 107-2019/HĐBT trong ngày 24/6/2019. Công ty G VN xác nhận số tiền nợ chưa thanh toán được cho Công ty H H là 2.466.477.511 đồng. Do tình hình tài chính khó khăn nên bị đơn đề nghị Tòa án hòa giải cho hai bên giải quyết vụ việc.

Ngoài ý kiến trình bày trên bị đơn không có ý kiến gì khác.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán toàn bộ công nợ gốc của hợp đồng 106-2019/HĐBT và 107-2019/HĐBT trong ngày 24/6/2019 là 2.466.477.511 đồng. Lãi chậm trả tính từ ngày 30/3/2020 đến ngày 04/4/2022, lãi suất áp dụng 9%/năm là: 447.000.000 đồng (đã làm tròn). Không tiếp tục tính lãi chậm trả trên số tiền gốc kể từ ngày 05/4/2022. Ngoài các yêu cầu trên nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn xác nhận số tiền nợ như nguyên đơn yêu cầu. Không có ý kiến gì đối với yêu cầu thanh toán gốc và lãi của nguyên đơn. Hiện công ty gặp khó khăn nên

chưa có khả năng thanh toán tiền cho nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2022/KDTM- ST ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông H đối với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G.

- Buộc Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông H tổng số tiền: 2.913.477.511 đồng (hai tỷ, chín trăm mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm mười một đồng). Trong đó: nợ gốc: 2.466.477.511 đồng (hai tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm mười một đồng) và lãi chậm trả: 447.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần bê tông H không tiếp tục tính lãi chậm trả đối với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G kể từ ngày 05/4/2022.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo.

** Tại Tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:*

Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, xác nhận số tiền nợ gốc và lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng và không có ý kiến gì, bị đơn kháng cáo vì thời điểm này bị đơn đang gặp khó khăn nên chưa thể thanh toán cho nguyên đơn được, đề nghị nguyên đơn cho bị đơn sang đầu năm 2023 mới bắt đầu thanh toán nợ.

** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:*

- Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: tại phiên tòa bị đơn trình bày nhất trí về khoản nợ gốc và lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên, bị đơn kháng cáo với mục đích là kéo dài thời gian trả nợ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H, về án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa nên là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G, có trụ sở tại: Số nhà 55, TT12 khu đô thị V, phường P, quận H, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận H thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hợp đồng mua bán bê tông số 106-2019/HĐBT và 107-2019/HĐBT ký ngày 24/6/2019 giữa Công ty H H và Công ty G VN ký kết với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 24 Luật thương mại năm 2005. Do đó Hợp đồng mua bán bê tông số 106-2019/HĐBT và 107-2019/HĐBT ký ngày 24/6/2019 được hai bên xác nhận là hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

- Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc thì thấy: Sau khi ký kết hợp đồng hai bên đã thực hiện hợp đồng theo quy định. Tổng công nợ của 02 hợp đồng là 3.064.812.512 đồng, tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là 598.335.001 đồng; Trong đó: Công nợ công trình Công trình Ouries là 2.827.077.512 đồng, Công ty G VN đã thanh toán 598.335.001 đồng, công nợ còn lại của Công trình Ouries là 2.228.742.511 đồng; Công nợ công trình Công trình Famous Express VN là 237.735.000 đồng, Công ty G VN chưa thanh toán cho hoá đơn này; Số công nợ còn lại của Công ty G VN là 2.466.477.511 đồng.

Hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ lần gần nhất ngày 31/12/2020, bị đơn xác nhận nợ, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn đều xác nhận công nợ. Do đó, Tòa án sơ thẩm căn cứ vào Điều 50 Luật thương mại chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 2.466.477.511 đồng là có căn cứ.

- Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Theo Điều 4.2 của Hợp đồng số 106-2019/HĐBT và 107-2019/HĐBT ký ngày 24/6/2019 có quy định bên B phải thanh toán cho bên A giá trị bê tông trong vòng 30 ngày kể từ ngày cung cấp và xuất hóa đơn của bên A. Lãi suất quá hạn được tính theo lãi suất vay ngắn hạn của NHTMCP tại thời điểm thanh toán...

Bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của hợp đồng. Lãi chậm trả được tính từ ngày 30/3/2020 là phù hợp quy định của Hợp đồng. Mức lãi suất cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay đang được niêm yết áp dụng khu vực Hà Đông

tại thời điểm xét xử sơ thẩm (được cung cấp theo Công văn của Tòa án) là: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 9.5%; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 9,5%; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: 9.5%. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là: $(28.5/3 \times 150\% = 14,25\%/năm)$.

Nguyên đơn tự nguyện áp dụng mức lãi suất chậm trả là 9%/năm. Thời hạn tính lãi từ ngày 30/3/2020 đến 04/4/2022. Tiền lãi chậm trả là được tính như sau: $2.466.477.511 \text{ đồng} \times 0.09/365 \text{ ngày} \times 735 \text{ ngày} = 447.006.814 \text{ đồng}$, nguyên đơn đề nghị bị đơn chịu số tiền được làm tròn là 447.000.000 đồng.

Xét mức lãi suất 9%/năm nguyên đơn áp dụng (thấp hơn mức lãi suất của ngân hàng TMCP mà nguyên đơn áp dụng và mức lãi suất quá hạn bình quân 03 ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước) là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Như vậy, bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả 447.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 2.913.477.511 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị không tiếp tục tính lãi chậm trả từ sau khi xét xử sơ thẩm (ngày 05/4/2022) trên số tiền gốc 2.466.477.511 đồng đối với bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng cũng tại phần Quyết định lại nêu... “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015” là chưa phù hợp, do đó Tòa án cấp phúc thẩm sửa án về phần này.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2022/KDTM- ST ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông H đối với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G.

Buộc Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông H tổng số tiền là 2.913.477.511 (Hai tỷ, chín trăm mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm mười một) đồng; Trong đó: nợ gốc là 2.466.477.511 đồng và lãi chậm trả là 447.000.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần bê tông H không tiếp tục tính lãi chậm trả đối với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G kể từ ngày 05/4/2022.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng G phải chịu 90.269.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần bê tông H 43.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006279 ngày 31/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/07/2022.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận H;
- TAND quận H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Xuân Tuấn